

Phụ lục I
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH
GIÁ BÁN, GIÁ THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI/GIÁ BÁN,
GIÁ THUÊ MUA NHÀ Ở CHO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
(Kèm theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

TÊN BÊN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

¹....., ngày... tháng... năm...

V/v đề nghị thẩm định giá bán,
giá thuê mua nhà ở xã hội/giá
bán, giá thuê mua nhà ở cho lực
lượng vũ trang nhân dân

Kính gửi ²:.....

Thực hiện quy định tại Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023, Nghị định số.../2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, ³..... đã lập phương án về giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/giá bán, giá thuê mua nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân tại dự án (có phương án giá kèm theo).

Kính đề nghị ²..... xem xét, thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/giá bán, giá thuê mua nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân tại dự án..... theo quy định hiện hành của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG
BÊN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Tên địa phương nơi có dự án.

² Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án.

³ Tên bên đề nghị thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/giá bán, giá thuê mua nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

Phụ lục II
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ MUA, THUÊ
NHÀ Ở XÃ HỘI/NHÀ LƯU TRÚ CÔNG NHÂN TRONG
KHU CÔNG NGHIỆP/NHÀ Ở CHO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
(Kèm theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội ¹
Mẫu số 02	Đơn đăng ký thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp
Mẫu số 03	Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân

¹ Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 được thay thế bởi Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 261/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 261/2025/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025 và được thay thế bởi Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 136/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 261/2025/NĐ-CP và Nghị định số 54/2026/NĐ-CP) theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 136/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2026.

Mẫu số 01. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ MUA, THUÊ NHÀ Ở XÃ HỘI

Hình thức đăng ký¹: Mua Thuê mua Thuê

1. Kính gửi²:

2. Họ và tên người viết đơn:

3. Căn cước công dân số cấp ngày/...../..... tại.....

4. Nghề nghiệp³

5. Nơi làm việc⁴:

6. Thuộc đối tượng⁵:

7. Thực trạng về nhà ở của tôi như sau:

7.1. Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình

7.2. Có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15 m²
sàn/người⁶

8. Tôi có mức thu nhập hàng tháng là:

8.1. Đối với đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023⁷ thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:

¹ Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký.

² Ghi tên chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

³ Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu...

⁴ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này, trừ đối tượng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác.

⁵ Ghi rõ người có đơn thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội.

⁶ Đối với trường hợp độc thân: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đó.

Đối với trường hợp hộ gia đình: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đề nghị xác nhận, vợ/chồng người đề nghị xác nhận (nếu có), cha, mẹ của người đề nghị xác nhận bao gồm cả cha, mẹ vợ/chồng của người đó (nếu có) và các con của người đề nghị xác nhận (nếu có).

⁷ Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (khoản 5 Điều 76); công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 6 Điều 76); cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 8 Điều 76).

- Trường hợp người đứng đơn là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân thì có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 25 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận⁹. □

- Trường hợp đối tượng là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên thì thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 35 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận¹⁰. □

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 50 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận¹¹. □

8.2. Đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở¹² thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:

- Trường hợp là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định, bao gồm cả phụ cấp khu vực tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện khó khăn) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. □

- Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật:

+ Tôi và vợ (chồng) tôi đều thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 2,0 lần tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo

⁹ Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân thì có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 25 triệu đồng. Cơ quan Công an cấp xã nơi thường trú/tạm trú hoặc nơi ở tại thời điểm đối tượng đề nghị xác nhận xác nhận điều kiện về thu nhập.

¹⁰ Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên thì thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 35 triệu đồng. Cơ quan Công an cấp xã nơi thường trú/tạm trú hoặc nơi ở tại thời điểm đối tượng đề nghị xác nhận xác nhận điều kiện về thu nhập.

¹¹ Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 50 triệu đồng. Công an cấp xã nơi thường trú/tạm trú hoặc nơi ở tại thời điểm đối tượng đề nghị xác nhận xác nhận điều kiện về thu nhập.

¹² Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác (khoản 7 Điều 76).

quy định, bao gồm cả phụ cấp khu vực tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện khó khăn) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận.

+ Vợ (chồng) tôi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định, bao gồm cả phụ cấp khu vực tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện khó khăn) cộng với mức lương (thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận) không quá 25 triệu đồng được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận □

9. Tôi chưa được mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết¹³..... nhà ở xã hội, tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹³ Ghi rõ hình thức được giải quyết chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (mua, thuê mua, thuê).

Mẫu số 02. Đơn đăng ký thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ NHÀ LƯU TRÚ CÔNG NHÂN TRONG KHU
 CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi¹⁴:.....

Họ và tên người viết đơn:.....

Căn cước công dân số.... cấp ngày...../...../..... tại.....

Thuộc đối tượng:.....

Nơi làm việc:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú) số..... tại:.....

Tôi cam kết hiện tại không đang thuê nhà ở xã hội hoặc nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người viết đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên)

¹⁴ Ghi tên chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp.

Mẫu số 03. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ MUA, THUÊ NHÀ Ở
CHO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Hình thức đăng ký¹⁵: Mua Thuê mua Thuê

1. Kính gửi¹⁶:.....
2. Họ và tên người viết đơn:.....
3. Căn cước công dân số... cấp ngày...../...../..... tại.....
4. Nơi ở hiện tại:.....
5. Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú) tại:.....
6. Thuộc đối tượng¹⁷:.....
7. Họ và tên của các thành viên trong hộ gia đình¹⁸..... Căn cước công dân số... cấp ngày...../...../..... tại.....
8. Thực trạng về nhà ở của tôi như sau:
 - 8.1. Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình
 - 8.2. Có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15 m² sàn/người
9. Tôi có thu nhập hàng tháng thực nhận là:
 - 9.1. Trường hợp độc thân:.....
 - 9.2. Trường hợp đã kết hôn với đối tượng thuộc lực lượng vũ trang nhân dân: tổng thu nhập hàng tháng thực nhận của tôi và vợ/chồng tôi không quá.....
 - 9.3. Trường hợp đã kết hôn với đối tượng không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân: tổng thu nhập hàng tháng thực nhận của tôi và vợ/chồng tôi không quá.....
10. Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở dưới bất kỳ hình thức nào.

¹⁵ Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký

¹⁶ Ghi tên Cơ quan quản lý nhà ở của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thuộc phạm vi quản lý.

¹⁷ Ghi rõ người có đơn thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

¹⁸ Ghi rõ họ tên và mối quan hệ của từng thành viên với người đứng đơn.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết¹⁹..... nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của cơ quan, đơn vị,
doanh nghiệp²⁰ nơi người viết
đơn và vợ (chồng) của người đó là
Ông/Bà..... có thu nhập hàng
tháng thực nhận là..... đồng
*(Ký tên, đóng dấu)***

¹⁹ Ghi rõ hình thức được giải quyết chính sách hỗ trợ về nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (mua, thuê mua, thuê).

²⁰ Thực hiện xác nhận của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định tại Điều 67 của Nghị định này.